

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I.2021

Hải Phòng, ngày 27 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170,354,091,813	190,197,644,637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4,680,927,906	8,833,076,065
1. Tiền	111		4,680,927,906	8,833,076,065
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,200,000,000	1,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,200,000,000	1,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145,299,766,020	163,752,352,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	49,083,185,731	70,629,666,673
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	65,174,477,503	64,399,971,900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	12,000,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19,042,102,786	28,722,714,250
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		15,902,348,067	16,360,202,783
1. Hàng tồn kho	141	V.7	15,902,348,067	16,360,202,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		271,049,820	252,012,966
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	271,049,820	83,874,442
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			168,138,524
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187,822,173,743	186,842,411,594
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25,328,709,295	37,328,709,295
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		3,360,000,000	15,360,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21,968,709,295	21,968,709,295
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		63,757,552,000	65,713,590,001

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33,519,125,460	34,465,468,182
- Nguyên giá	222		58,638,582,696	58,638,582,696
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25,119,457,236)	(24,173,114,514)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	30,238,426,540	31,248,121,819
- Nguyên giá	225		38,711,302,633	38,711,302,633
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(8,472,876,093)	(7,463,180,814)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19,850,005,600	4,555,971,600
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19,850,005,600	4,555,971,600
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	78,600,000,000	78,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		48,000,000,000	48,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30,000,000,000	30,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300,000,000	300,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300,000,000	300,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		285,906,848	644,140,698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	285,906,848	644,140,698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		358,176,265,556	377,040,056,231
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		142,010,288,433	166,088,783,155
I. Nợ ngắn hạn	310		136,949,160,439	159,589,168,109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	29,960,826,639	43,742,230,493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6,913,309,271	5,406,620,193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4,384,054,331	4,255,496,682
4. Phải trả người lao động	314		411,147,850	962,792,205
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			228,526,840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	52,419,168	352,468,005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	92,879,570,040	102,216,500,551
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,347,833,140	2,424,533,140

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		5,061,127,994	6,499,615,046
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	439,014,973	496,277,797
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	4,622,113,021	6,003,337,249
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216,165,977,123	210,951,273,076
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	216,165,977,123	210,951,273,076
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,898,318,140	2,898,318,140
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33,267,658,983	28,052,954,936
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28,052,954,936	12,588,810,110
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,214,704,047	15,464,144,826
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		358,176,265,556	377,040,056,231

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trịnh Thị Hương

Lập, Ngày 27 tháng 4 năm 2021

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102,049,786,104	50,207,473,534
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		102,049,786,104	50,207,473,534
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	92,409,996,777	44,124,554,217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9,639,789,327	6,082,919,317
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	464,541,476	514,004,823
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,866,588,040	1,570,104,338
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	776,225,310	383,273,997
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	956,883,338	538,131,867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		6,504,634,115	4,105,413,938
11. Thu nhập khác	31	VI.7	14,727,466	95,668,950
12. Chi phí khác	32	VI.8	785,218	182,391,079
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13,942,248	(86,722,129)
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6,518,576,363	4,018,691,809
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,303,872,316	840,216,578
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	VI.9	5,214,704,047	3,178,475,231
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: (*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Ngày 27 tháng 04 năm 2021

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		141,697,833,383	72,464,204,055
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(96,318,748,979)	(60,121,135,893)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,771,573,794)	(1,082,581,397)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1,916,806,692)	(1,452,427,813)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9,929,354,029	(20,228,526,706)
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15,725,122,491)	(3,583,844,553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34,894,935,456	(14,004,312,307)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15,194,034,000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,450,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		250,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		108,164,383	244,728,485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18,285,869,617)	244,728,485
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		78,037,965,736	46,161,657,394
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(87,374,896,247)	(31,987,342,502)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,381,224,228)	(1,450,736,246)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,718,154,739)	12,723,578,646
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		5,890,911,100	(1,036,005,176)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	8,833,076,065	4,358,770,697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

Công Ty Cổ Phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng
Số 194 đường Kiều Hạ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	14,723,987,165	3,322,765,521

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trịnh Thị Hương

Ngày 27 tháng 04 năm 2021

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HÀI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa giấy nhãn và giấy bìa;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phan;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Giấy, bìa carton, giấy tráng phan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng

5. **Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất bột giấy, giấy	80%	80%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	Lô 3, tổ 40, Trung tâm nhà hát kịch, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	30%	30%

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**

Số liệu BCTC năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 57 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN SỬ DỤNG

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 22.990 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch).

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 23.170 VNĐ/USD (Ngân hàng công ty thường xuyên có giao dịch)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của công ty, Việc kiểm soát đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau. Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02-05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

02 - 15

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2020/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2019 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tỷ lệ: 6,5%. Tuy nhiên Hội đồng quản trị chưa chốt phương án nên Công ty chưa ghi nhận khoản này vào Báo cáo tài chính năm 2020.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.466.577.807	1.209.116.008
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.214.350.099	7.623.960.057
Ngân hàng TMCP Bắc Á	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	420.498.482	1.077.067.137
Ngân hàng TMCP Quân đội	98.307.525	4.099.219.014
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	252.811.631	203.851.699
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.239.480.374	490.144.057
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	203.252.087	1.753.678.150
Cộng	<u>4.680.927.906</u>	<u>8.833.076.065</u>

2. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	4.200.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	<u>4.200.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 VND, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019. Tổng thời gian gửi cam kết là 24 tháng.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN ngô Quyền số tiền 400.000.000 VND, lãi suất 4,9%/ năm kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 17/11/2020.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN ngô Quyền số tiền 700.000.000 VND, lãi suất 4,9%/ năm kỳ hạn 12 tháng kể từ ngày 25/11/2020.

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam- CN Thành Đô số tiền 2.500.000.000 VND, lãi suất 3.3%/ năm kỳ hạn 03 tháng kể từ ngày 14/01/2021.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty con	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam(a)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà (c)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco(b)	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà(c)	-	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
Trái phiếu(d)	300.000.000	-	300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	78.600.000.000	-	78.600.000.000	-
-------------	-----------------------	----------	-----------------------	----------

(a) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VND, chiếm 80% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VND, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(c) Trong năm 2020, công ty đã nhận chuyển nhượng 580.000 cổ phần của bà Nguyễn Thị Thu Thủy và 1.020.000 cổ phần của bà Vũ Thị Hằng tại Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà với giá mua là 10.000VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, công ty nắm giữ 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà.

(d) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	11.826.615.001	15.078.916.876
Công ty Cổ phần Bao bì Phương Bắc	7.268.963.831	4.905.546.336
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	0	6.951.007.360
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	4.557.651.170	3.222.363.180
Phải thu các khách hàng khác	37.256.570.730	55.550.749.797
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	6.735.527.280	9.286.332.020
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	8.172.876.800	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Phúc	-	2.509.878.680
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	6.641.356.480	8.337.147.060
Công ty TNHH Trang Bon	-	4.038.991.750
Công ty TNHH Việt Cường	-	15.443.067.750
Các khách hàng khác	15.706.810.170	15.935.332.537
Cộng	49.083.185.731	70.629.666.673

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	-	3.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	61.399.971.900	61.399.971.900
Ju Tong Co ., Ltd	2.661.205.903	-
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	8.596.110.600	13.563.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông và Phát triển Hạ tầng Hải Phòng	8.872.200.000	5.887.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Trường Linh	16.578.416.000	16.578.416.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng VITECCONS	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty CP ĐTPT Quản Lý Điều Hành các DA VN	4.000.000.000	-
Các khách hàng khác	2.466.545.000	2.371.555.900
Cộng	65.174.477.503	64.399.971.900

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>12.000.000.000</i>	-
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (*)	12.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Thời hạn vay 36 tháng với tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VND.

6. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác

a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.015.938.248</i>	-	<i>15.735.524.192</i>	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam	954.897.532	-	614.031.779	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	61.040.716	-	121.492.413	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy(1)	-	-	8.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc- Ông Nguyễn Trần Nhật Đức(2)	-	-	7.000.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.026.164.538</i>	-	<i>12.987.190.058</i>	-
Tạm ứng (3)	11.588.257.533	-	6.403.207.921	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Vũ Thị Hằng (4)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác của Chailease (Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính)	164.142.510	-	194.919.234	-
Phải thu tiền lãi mua hàng hóa trả chậm Chailease	68.252.822	-	183.551.230	-
Đặt cọc mua hàng hóa trả chậm Chailease	205.511.673	-	205.511.673	-
Cộng	19.042.102.786	-	28.722.714.250	-

(1) Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(2) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội mang tên bà Trần Thị Thu Phương và Ông Nguyễn Trần Nhật Đức. Khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức để thế chấp tại Ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(3) Phần lớn là các khoản tạm ứng cho các trạm thu mua giấy phế liệu, phát sinh tạm ứng bổ sung và hoàn ứng bằng nguyên vật liệu liên tục trong năm.

(4) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội của Ông Trần Quốc Khánh và Bà Vũ Thị Hằng để tiếp tục thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Thành Công theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.968.709.295	-	21.968.709.295	-
Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (*)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.968.709.295	-	1.968.709.295	-
Cộng	21.968.709.295	-	21.968.709.295	-

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m2 tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m2 và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m2) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m2; DTSD 226,8m2) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản số 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án. Ngày 18/7/2019, UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4296/UBND-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu kiểm tra, đề xuất, báo cáo UBND thành phố. Ngày 06/8/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 3255/SXD-QHKT gửi UBND thành phố Hải Phòng báo cáo về việc đã đưa dự án phát triển nhà tại đường An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty vào kế hoạch để trình duyệt kỳ này. Ngày 16/10/2019, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3610/VP-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu giải trình, làm rõ một số nội dung để trình lãnh đạo UBND thành phố xem xét, quyết định. Ngày 04/11/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 4831/SXD-QHKT gửi Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng và ngày 25/11/2019 vừa qua Ban cán sự đảng UBND thành phố Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phòng đã có Văn bản số 756/CV-BCS gửi thường trực Thành ủy xin chấp thuận về mặt chủ trương. Đến nay, dự án vẫn đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.039.783.967	-	13.646.777.281	-
Công cụ, dụng cụ	71.598.591	-	93.125.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	912.530.159	-	1.097.945.262	-
Thành phẩm	2.878.435.350	-	1.522.354.376	-
Cộng	15.902.348.067	-	16.360.202.783	-

8. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	21.407.594	24.499.277
Chi phí bảo hiểm	9.535.330	36.829.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	240.106.896	22.545.831
Cộng	271.049.820	83.874.442

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	-	110.276.821
Công cụ dụng cụ	75.790.590	199.750.597
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ		
thuê tài chính	145.621.520	176.826.134
Chi phí sửa chữa	33.939.403	64.130.879
Các chi phí trả trước dài hạn khác	30.555.335	93.156.267
Cộng	285.906.848	644.140.698

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.360.000.000	15.360.000.000
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (*)	3.360.000.000	15.360.000.000
Cộng	15.360.000.000	15.360.000.000

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 0610/2020/HD/HP-HNA ngày 06/10/2020. Thời hạn vay 36 tháng với tổng số tiền cho vay là 3.360.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.068.470.367	31.899.755.945	3.595.305.475	53.563.531.787
Mua trong năm	-	4.965.960.000	109.090.909	5.075.050.909
Số cuối năm	18.068.470.367	36.865.715.945	3.704.396.384	58.638.582.696
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.487.917.000	618.769.105	9.106.686.105
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	7.056.769.795	14.782.263.918	2.334.080.801	24.173.114.514
Khấu hao trong kỳ	238.981.575	576.659.802	130.701.345	946.342.722
Số cuối kỳ	7.295.751.370	15.358.923.720	2.464.782.146	25.119.457.236
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	11.011.700.572	22.083.452.027	1.370.315.583	34.465.468.182
Số cuối kỳ	10.772.718.997	21.506.792.225	1.239.614.238	33.519.125.460

Một số tài sản cố định đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Thành Đô.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	38.711.302.633	38.711.302.633
Số cuối năm	38.711.302.633	38.711.302.633
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	7.463.180.814	7.463.180.814
Khấu hao trong kỳ	1.009.695.279	1.009.695.279
Số cuối năm	8.472.876.093	8.472.876.093
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	31.248.121.819	31.248.121.819
Số cuối kỳ	30.238.426.640	30.238.426.640

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí xây dựng nhà máy mới	4.555.971.600	15.294.034.000	-	19.850.005.600
Cộng	4.555.971.600	15.294.034.000	-	19.850.005.600

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	-	-	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.960.826.639	29.960.826.639	43.742.230.493	43.742.230.493
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh	2.130.150.880	2.130.150.880	3.139.056.723	3.139.056.723
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.255.421.775	4.255.421.775	6.670.183.938	6.670.183.938
Công ty TNHH và Dịch vụ Cơ khí Đức Hạnh	242.000.000	242.000.000	3.324.000.000	3.324.000.000
Công ty TNHH Thương mại Quân Phong	2.759.071.808	2.759.071.808	4.291.531.068	4.291.531.068
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng	2.511.292.413	2.511.292.413	1.665.333.909	1.665.333.909
Công ty TNHH Vương An Phú	-	-	16.295.555.210	16.295.555.210
Hanwa Singapore (PTE) LTC	1.323.610.392	1.323.610.392	872.954.394	872.954.394
Công ty TNHH Việt Cường	8.021.806.300	8.021.806.300	-	-
YAMAHATSU NIHON CO., LTD	-	-	2.284.498.705	2.284.498.705
Các nhà cung cấp khác	8.717.473.071	8.717.473.071	5.199.116.546	5.199.116.546
Cộng	29.960.826.639	29.960.826.639	43.742.230.493	43.742.230.493

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	5.406.620.193	5.406.620.193
Công ty cổ phần giấy Hải Phòng	4.518.743.214	5.326.437.314
Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Topasia	59.336.979	59.336.979
Công ty TNHH Việt Cường	2.263.703.170	-
WELL FRESH CO., LTD	20.845.900	20.845.900
Các nhà cung cấp khác	50.680.008	-
Cộng	6.913.309.271	5.406.620.193

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.655.381.340	534.547.718	(1.692.462.385)	497.466.673
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	981.287.658	(981.287.658)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.582.715.342	1.303.872.316	-	3.886.587.658
Thuế thu nhập cá nhân	17.400.000	-	(17.400.000)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	<u>4.255.496.682</u>	<u>17.823.707.692</u>	<u>(17.695.150.043)</u>	<u>4.384.054.331</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước như nước là 5%, các mặt hàng còn lại 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay còn phải trả.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	330.600.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	330.600.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	52.419.168	21.868.005
Kinh phí công đoàn	52.419.168	21.868.005
Cộng	<u>52.419.168</u>	<u>352.468.005</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	87.354.673.128	87.354.673.128	102.216.500.551	102.216.500.551
Vay ngắn hạn ngân hàng			84.691.603.639	84.691.603.639
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)	19.935.334.060	19.935.334.060	19.963.461.440	19.963.461.440
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	3.320.719.380	3.320.719.380	2.0479.926.625	2.0479.926.625
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)	24.632.575.622	24.632.575.622	22.870.371.955	22.870.371.955
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (d)	39.466.044.066	39.466.044.066	39.377.843.619	39.377.843.619
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Vay ngắn hạn Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vitecons(e)	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.524.896.912	5.524.896.912	5.524.896.912	5.524.896.912
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội	5.524.896.912	5.524.896.912	5.524.896.912	5.524.896.912
Cộng	92.879.570.040	92.879.570.040	102.216.500.551	102.216.500.551

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/2020-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 31 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 17/07/2020 đến hết ngày 16/07/2021. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 139/2021/HĐTD/CNM/01 ngày 18 tháng 03 năm 2021. Hạn mức tín dụng 5.500.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy các loại. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 18/03/2021 đến ngày 18/03/2022, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/20/HM/14185005 ký ngày 28/09/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 25.000.000.000 VND. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay đến hết ngày 21/09/2021. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Thế chấp bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất theo số: BD 772273 số vào sổ cấp GCN: CH00531 4690/2010/QĐ-UBND quận Đống Đa cấp ngày 24/12/2010 địa chỉ tại: số 40 ngõ 69 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn Sỹ cùng vợ là bà Phan Thị Hà, theo hợp đồng thế chấp số 3819.2020/HĐTC ngày 24/9/2020 và các phụ lục sửa đổi kèm theo.

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016.

(3) Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Trần Quốc Khánh và vợ là bà Vũ Thị Hằng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 13/12/2019.

(4) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBĐS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2020/7607651 ký ngày 05 tháng 05 năm 2020. Hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7607651/HĐTD ngày 28/05/2019. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2021, lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

(3) Tài sản đảm bảo khoản vay là Hệ thống lò hơi tầng sôi, công suất sinh hơi 9 tấn/giờ, trị giá tài sản thế chấp 4.270.000.000 VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/7607652/HĐBĐ ngày 26 tháng 05 năm 2020

(4) Thế chấp lợi thế thương mại quyền thuê đất tại số 194 đường Kiều Hạ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số CK 926926 do sở tài nguyên thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/4/2018. Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Thời hạn sử dụng đến tháng 07/2043. Nguồn gốc sử dụng nhà nước cho thuê đất sử dụng hàng năm. Theo hợp đồng thế chấp ngày 29/6/2020

(5) Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo bổ sung đồng thời không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay này để thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác.

(6) Thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam- CN Thành Đô số tiền 2.500.000.000 VNĐ, lãi suất 3.3%/ năm kỳ hạn 03 tháng kể từ ngày 14/01/2021

(e) Là khoản vay Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vitecons với lãi suất 8%/năm theo hợp đồng cho vay tiền số 003/VTC-HOANGHA ngày 9 tháng 11 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 003/VTC-HOANGHA ngày 28 tháng 12 năm 2020. Tổng số tiền vay 12.000.000.000 VNĐ.

Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	84.691.603.639	78.037.965.736	-	(75.374.896.247)	87.354.673.128
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	12.000.000.000	-	-	(12.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.524.896.912	-	1.381.224.228	(1.381.224.228)	5.524.896.912
Cộng	102.216.500.551	78.037.965.736	1.381.224.228	(88.756.120.475)	92.879.570.040

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty cho thuê Tài chính Chailease (*)	4.622.113.021	4.622.113.021	6.003.337.249	6.003.337.249
Cộng	4.622.113.021	4.622.113.021	6.003.337.249	6.003.337.249

(*) Là khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội cho các tài sản sau:

(1) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 7.291.715.840 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 22/02/2019. Thời hạn thuê: 42 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 35.290.717.056 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 04/04/2019. Thời hạn thuê: 47 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%. Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nợ thuê tài chính	6.003.337.249	-	-	(1.381.224.228)	4.622.113.021
Cộng	6.003.337.249	-	-	(1.381.224.228)	4.622.113.021

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.305.659.070		(35.000.000)	1.270.659.070
Quỹ phúc lợi	1.118.874.070		(41.700.000)	1.077.174.070
Cộng	2.424.533.140		(397.050.000)	2.347.833.140

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại tài chính trị giá 897.117.565 VND được phân bổ trong 47 tháng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2019.

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	180.000.000.000	1.443.688.139	12.138.070.113	193.581.758.252
Trích lập các quỹ	-	1.454.630.001	(2.909.260.003)	(1.454.630.002)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.824.144.826	18.824.144.826
Số dư cuối năm trước	180.000.000.000	2.898.318.140	28.052.954.936	210.951.273.076
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.898.318.140	28.052.954.936	210.951.273.076
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	5.214.704.047	5.214.704.047
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	180.000.000.000	2.898.318.140	33.267.658.983	216.165.977.123

b) Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Phân phối lợi nhuận

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2020/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2019 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tỷ lệ: 6,5%. Tuy nhiên Hội đồng quản trị chưa chốt phương án nên Công ty chưa ghi nhận khoản này vào Báo cáo tài chính năm 2020

22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

A, Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	30.82	43,34

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Tổng doanh thu	295.354.421.442	50.207.473.534
Doanh thu bán hàng hóa	60.979.324.293	23.311.742.650
Doanh thu bán thành phẩm	40.854.651.838	26.443.720.370
Doanh thu khác	215.809.973	452.010.514
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	295.338.110.192	50.207.473.534

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	5.334.627.200	1.954.166.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà	6.325.449.500	-
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	3.912.058.900	1.340.797.600

2. Giá vốn hàng bán

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	56.811.604.347	19.545.918.969
Giá vốn của thành phẩm đã bán	35.450.682.457	24.330.624.740
Giá vốn khác	147.709.973	248.010.508
Cộng	92.409.996.777	44.124.554.217

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Lãi tiền gửi	2.257.060	399.719
Lãi tiền cho vay và đặt cọc	449.030.136	513.589.039
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.254.280	-
Cộng	<u>464.541.476</u>	<u>513.988.758</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Chi phí lãi vay	1.839.393.132	1.367.190.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.194.908	202.913.445
Cộng	<u>1866.588.040</u>	<u>1.570.104.338</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Chi phí cho nhân viên	339.281.772	178.686.048
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6.419.331	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.551.516	49.551.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	379.705.688	154.748.554
Các chi phí khác	1.267.003	287.879
Cộng	<u>776.225.310</u>	<u>383.273.997</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Chi phí cho nhân viên	325.143.310	214.619.970
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.065.517	1.636.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.060.169	68.060.169
Thuế, phí và lệ phí	186.086.490	184.586.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.750.878	49.228.672
Các chi phí khác	148.776.974	20.000.000
Cộng	<u>956.883.338</u>	<u>538.131.867</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Thu tiền từ bồi hoàn hàng hóa không đạt chất lượng	14.727.466	95.668.950
Cộng	<u>14.727.466</u>	<u>95.668.950</u>

8. Chi phí khác

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH	785.218	-
Tiền phạt truy thu, chậm nộp thuế	-	182.391.079
Cộng	<u>-</u>	<u>182.391.079</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>31/03/2021</u>	<u>31/03/2020</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.518.576.363	4.018.691.809
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	785.218	182.391.079
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	<i>785.218</i>	<i>182.391.079</i>
Thu nhập chịu thuế	<u>6.519.361.581</u>	<u>4.201.082.888</u>
Thu nhập tính thuế	6.519.361.581	4.201.082.888
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.303.872.316</u>	<u>840.216.578</u>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.303.872.316</u>	<u>840.216.578</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Thu Phương	Tổng Giám Đốc Công ty
Ông Nguyễn Trần Nhật Đức	Con Bà Trần Thị Thu Phương

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy		
Phải thu tiền lãi đặt cọc	48.328.767	69.808.219
Thu tiền lãi đặt cọc	48.328.767	69.808.219
Thu lại tiền đặt cọc số đo của bà Nguyễn Thị Thu Thủy	8.000.000.000	-
Ông Nguyễn Trần Nhật Đức		
Thu tiền đặt cọc mượn tài sản	7.000.000.000	
Phải thu tiền lãi đặt cọc	8.054.795	122.164.383
Thu tiền lãi đặt cọc	8.054.795	122.164.383

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm 31/03/2021, Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh tại chỉ tiêu V.5a, V.16

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ tiền lương, thưởng	183.386.021	114.962.663
Trần Thị Thu Phương	69.727.630	64.325.109
Nguyễn Vinh Quang	57.562.196	50.637.554
Nguyễn Huy Long	56.096.196	-

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Lập ngày 27 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương